

Tài khoản quản lý: N9544
Mật khẩu:

Mẫu số 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh ph

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: C1.A
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 7h30 Ngày thi: 17/4/2

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên
1	TA0087	SV5447903	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/01/1999	
2	TA0088	SV5447904	Bùi Quang	Thành	22/07/1999	
3	TA0089	SV5447905	Trần Tiến	Đạt	06/08/1999	
4	TA0090	SV5447906	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2/9/1999	
5	TA0091	SV5447907	Đỗ Thị	Anh	21/05/1999	
6	TA0092	SV5447908	Nguyễn Diệu	Thanh	07/10/1999	
7	TA0093	SV5447909	Phạm Hoàng Thu	Thảo	31/05/1999	
8	TA0094	SV5447910	Trịnh Lê Giáng	Ngọc	25/11/0099	
9	TA0095	SV5447911	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/07/1999	
10	TA0096	SV5447912	Kiều Đình	Sơn	15/02/1999	
11	TA0097	SV5447913	Trần Thu	Trang	26/10/1999	
12	TA0098	SV5447914	Trần Quỳnh	Giang	03/10/1999	
13	TA0099	SV5447915	Vì Thị Thanh	Hương	09/01/1999	
14	TA0100	SV5447916	Lưu Hoàng	Hà	28/12/1999	
15	TA0101	SV5447917	Trần Hoài	Nam	15/06/1999	
16	TA0102	SV5447918	Trần Kim	Xuân	21/08/1999	
17	TA0103	SV5447919	Nguyễn Văn	Chiến	13/02/1999	
18	TA0104	SV5447920	Trương Thị Thu	Hường	15/01/1999	
19	TA0105	SV5447921	Nguyễn Thị	Mai	08/09/1999	
20	TA0106	SV5447922	Nguyễn Đức	Hà	11/06/1999	
21	TA0107	SV5447923	Đỗ Trọng	Tiến	22/01/2000	
22	TA0108	SV5447924	Lê Hoàng Hạnh	Nguyên	23/07/1999	
23	TA0109	SV5447925	Phạm Tiến	Thành	02/01/1999	
24	TA0110	SV5447926	Nguyễn Ngọc	Khánh	03/08/2000	
25	TA0111	SV5447927	Trần Nhật	Mai	30/12/1999	

26	TA0112	SV5447928	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1998	
----	--------	-----------	----------------	-------	------------	--

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

VIỆT NAM
úc

105
021

[illegible]

